

Bản án số: **15/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 17- 3- 2025

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thiện và ông Lê Hoàng Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng– Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 498/2024/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 12 năm 2024, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST-HN&GD, ngày 14 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03/3/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Lê Phương N**, sinh năm 1997; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Số E Đ, tổ dân phố G, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Chị **Trần Thị G**, sinh năm 2001; vắng mặt

Nơi cư trú: Số A đường F, tổ D, thôn D, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Lê Phương N trình bày: Anh N và chị Trần Thị G yêu nhau và kết hôn vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn vợ chồng làm nghề buôn bán, nhưng việc làm ăn không thuận lợi, nên vợ chồng sinh ra mâu thuẫn, cãi vã nhau suốt

ngày, không có tiếng nói chung. Do vậy chị G đã bỏ về nhà cha, mẹ của chị G ở xã V khoảng 02 năm nay. Thời gian qua vợ chồng hàn gắn tình cảm không được. Chị G còn yêu cầu ly hôn, nhưng không muốn đến Tòa án để tham gia. Anh N làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Về con chung, tài sản chung không có.

Do chị G không đến tham gia tố tụng tại Tòa án, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị G về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã gửi cho chị G: thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng chị G vẫn không có ý kiến, không khiếu nại gì.

Qua xác minh tại gia đình và địa phương, thì anh N và chị G mới đăng ký kết hôn, nhưng không tổ chức lễ cưới, do dịch Covid-19. Sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn ở Đắk Lắk và phát sinh mâu thuẫn, nên chị G bỏ về Vũ H sinh sống từ cuối năm 2023 cho đến nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Tại phiên toà vắng mặt nguyên đơn và bị đơn; nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai mà không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Anh Lê Phương N và chị Trần Thị G tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk vào năm 2022. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ chung sống thời gian ngắn, thì phát sinh mâu thuẫn và 02 vợ chồng sống ly thân nhau, không còn tình cảm. Qua những chứng cứ anh N cung cấp (tin nhắn của chị G và anh N), thể hiện mâu thuẫn của hai bên thật sự trầm trọng. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh N, xử cho ly hôn là phù hợp Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung, tài sản chung không có, nên không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Anh Lê Phương N ly hôn chị Trần Thị G.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Phương N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005054, ngày 12 tháng 12 năm 2024. Anh N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể ngày nhận được hoặc kể từ ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh;
- CC THADS huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV và THA tỉnh
- Lưu HSVA, QĐ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thái

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa